

Nay bà T khởi kiện yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền vay là 500.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày vay cho đến khi Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đều hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Bùi Thị Thu T rút phần yêu cầu tính lãi, giữ nguyên yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền vay là 500.000.000 đồng.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu T. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Bùi Thị Thu T số tiền vay là 500.000.000 đồng; bà T rút phần yêu cầu tính lãi nên đề nghị đình chỉ; về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền:* Nguyên đơn bà Bùi Thị Thu T khởi kiện yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền vay và lãi suất phát sinh nên xác định quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu T, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T đã bỏ đi khỏi địa phương, qua xác minh không xác định được địa chỉ hiện tại của bà T đang sinh sống nhưng hiện tại bà T còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 8, thị trấn L, huyện B nên Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo

phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đều hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do bà T giao nộp để giải quyết theo thủ tục chung.

Theo “*Giấy mượn tiền*” ngày 10/5/2019 thì bà T cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, phía bên vay có ký và ghi rõ họ tên là Nguyễn Thị T.

Bà T trình bày, từ khi bà T vay tiền đến nay chưa trả gốc và lãi cho bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án do bà T vắng mặt nên không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc đã trả nợ.

Do vậy, nay bà T yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả số tiền vay là 500.000.000 đồng là có cơ sở và đúng pháp luật nên chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T rút yêu cầu tính lãi, xét việc rút yêu cầu của bà T là tự nguyện nên đình chỉ theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu T được chấp nhận nên buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên bà T là người già nên được miễn án phí với số tiền là 24.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm phải trả số tiền vay là 500.000.000 đồng cho bà Bùi Thị Thu T.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 24.000.000 đồng. Bà Bùi Thị Thu T được nhận lại số tiền 14.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004177 ngày 24/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Trần Văn Biên